TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2026
V/v tranh chấp: ly hôn,
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Thành Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Trần Thị Kim Nhung.

- Thư ký phiên toà*:* ông Nguyễn Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trần Thị H**; địa chỉ cư trú: tổ B, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 024189002313, cấp ngày: 10/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an; có mặt;

2. Bị đơn: anh **Đỗ Văn B**, địa chỉ cư trú; địa chỉ: tổ B, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 038087008097, cấp ngày: 10/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Đ, tỉnh Thanh Hóa) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ B, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh hạnh phúc một thời gian, đến tháng 7 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H về nhà riêng của bố mẹ đẻ ở khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh sinh sống và ly thân anh B từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Trần Tấn D, sinh ngày 06/12/2013 và Đỗ Trần Mạnh H1, sinh ngày 09/4/2015 hiện đang sinh sống cùng nhà với anh B.

Quan điểm và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng: nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có tính vũ phu, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ lâu, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Về con chung: tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2025, chị yêu cầu Tòa án giao con nhỏ cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con lớn cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 23/3/2026, chị thay đổi yêu cầu: đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay, chị thay đổi yêu cầu: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu như nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2025. Quá trình chung sống, vợ chồng có tài sản chung, nhưng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh B vẫn đang làm việc tại Nhà máy Đ, biết chị khởi kiện ra Tòa xin ly hôn, nhưng vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Tại các biên bản ghi ý kiến của 02 con chung cùng ngày 17/3/2026 của Tòa án thể hiện: con lớn (cháu Đỗ Trần Tấn D) có nguyện vọng muốn ở với bố, con nhỏ (cháu Đỗ Trần Mạnh H1) có nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu bố, mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản thông báo, triệu tập cho anh B để lấy lời khai, giải quyết vụ án, anh B biết, nhưng vẫn không đến trụ sở Tòa án để làm việc.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/3/2026 của Tòa án, ông Nguyễn Văn T - Khu trưởng khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh cho biết: hiện tại, anh Đỗ Văn B vẫn đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ B, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Anh B và chị H là vợ chồng, có 02 con chung, nhưng do có mâu thuẫn, nên chị H đã chuyển về nhà ngoại sinh sống và ly thân với anh B từ năm 2025 đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

1) Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2) Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự được đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để lấy lời khai và hòa giải đoàn tụ vợ chồng, bị đơn biết mà vẫn không đến trụ sở Tòa án để làm việc, điều đó thể hiện thái độ không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không tìm cách khắc phục mâu thuẫn, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí và nguyện vọng của cả hai bên, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thường xuyên quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên, phát triển bình thường, khoảng cách nơi ở hiện nay giữa nguyên đơn và bị đơn cũng gần nhau, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của các con, nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] **Về án phí**: nguyên đơn tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024 và 2025; khoản 1 Điều 56, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn - chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. Về con chung: giao con chung Đỗ Trần Mạnh H1, sinh ngày 09/4/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung Đỗ Trần Tấn D, sinh ngày 06/12/2013 cho anh Đỗ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị H, anh Đỗ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người được giao trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Trần Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002643 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Q; chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV1-QN;
- UBND xã Đ, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADSKV1-QN;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- TAND T. Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lâm